ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 291 /2016/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 29 tháng 02 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007; Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2966/TTr-SNV ngày 10/12/2015 và Báo cáo thẩm định số 66/BCTĐ-STP ngày 10/12/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1772/2008/QĐ-UBND ngày 20/10/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ngành; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TTTU, TT HĐNDTP;
- CT, PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQHTPHP;
- Ban Tổ chức Thành uỷ;
- UBMTTQVN TP;
- Như Điều 3;
- CPVP UBND TP;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 291 /2016/QĐ-UBND ngày 29 /02/2016 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.

2. Tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

3. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố chịu sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

2. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

3. Khuyến khích việc sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới có quy mô lớn hơn nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực hiệu quả điều hành của chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn, tổ dân phố.

4. Các thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch dãn dân, tái định cư, quy hoạch khu đô thị mới, điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do địa hình chia cắt, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, đòi hỏi phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định tại Điều 6 Quy chế này.

5. Trường hợp không thành lập thôn mới, tổ dân phố mới theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì ghép các cụm dân cư hình thành mới vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, đảm bảo thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Chương II
TỔ CHỨC CỦA THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn, 01 Phó trưởng thôn và các tổ chức tự quản khác của thôn. Trường hợp thôn có trên 500 hộ gia đình thì có thể bố trí thêm 01 Phó trưởng thôn.

2. Mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng, 01 Tổ phó tổ dân phố và các tổ chức tự quản khác của tổ dân phố. Trường hợp tổ dân phố có trên 600 hộ gia đình thì có thể bố trí thêm 01 Tổ phó tổ dân phố.

3. Việc bố trí thêm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng phải đảm bảo kinh phí và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố của cấp có thẩm quyền quy định.

Điều 5. Thẩm quyền thành lập mới, chia tách, sáp nhập thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (gồm cả việc chia tách); quyết định sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố có quy mô lớn hơn sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về thành lập thôn mới, tổ dân phố mới theo trình tự quy định tại Điều 7 Quy chế này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; chuyển thôn thuộc xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Quy chế này.

Điều 6. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập thôn, tổ dân phố hiện có) phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Quy mô số hộ gia đình:

a) Đối với thôn: Ở vùng đồng bằng có từ 200 hộ gia đình trở lên; ở vùng hải đảo có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Đối với tổ dân phố: Ở vùng đồng bằng có từ 250 hộ gia đình trở lên; ở vùng hải đảo có từ 150 hộ gia đình trở lên.

2. Các điều kiện khác

Thôn và tổ dân phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân.

Điều 7. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập thôn, tổ dân phố hiện có để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới)

1. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, quy trình và hồ sơ thực hiện như sau:

a) Xin chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

- Trên cơ sở yêu cầu thực tiễn, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản gửi Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) xin chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung văn bản thể hiện rõ lý do, các yếu tố cần thiết, các điều kiện theo quy định để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

- Sở Nội vụ tiến hành thẩm định nhu cầu thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp huyện, sau đó tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản đồng ý về chủ trương, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án bao gồm:

- Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

- Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;

- Vị trí địa lý, ranh giới của thôn mới, tổ dân phố mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);

- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;

- Diện tích tự nhiên của thôn mới, tổ dân phố mới (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là héc ta;

- Các điều kiện khác quy định tại Khoản 2, Điều 6 Quy chế này;

- Đề xuất, kiến nghị.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Hội nghị lấy ý kiến cử tri phải có biên bản, trong đó thể hiện rõ tổng số cử tri lấy ý kiến, số cử tri đồng ý và số cử tri không đồng ý. Nếu trên 50% cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh Đề án trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; Đề án đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; Biên bản lấy ý kiến và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm theo 02 bộ hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

e) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố (kèm theo toàn bộ hồ sơ của các xã, phường, thị trấn đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới);

- Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ;

f) Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, xây dựng báo cáo thẩm định và dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

g) Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

2. Quy trình và hồ sơ chia tách thôn, tổ dân phố; sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; chuyển các thôn của xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn

1. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố

a) Trên cơ sở văn bản chỉ đạo về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án triển khai thực hiện. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- Sự cần thiết phải ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

- Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, tổ dân phố sau khi ghép cụm dân cư (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý).

- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép.

- Diện tích tự nhiên của thôn, tổ dân phố sau khi ghép cụm dân cư (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta.

- Đề xuất, kiến nghị.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức hội nghị, lấy ý kiến toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư mới hình thành và thôn, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án (biên bản nêu rõ tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành Đề án).

c) Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

d) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện (gửi về Phòng Nội vụ) gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;

- Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố;

- Biên bản lấy ý kiến cử tri.

đ) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Phòng Nội vụ có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

2. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã có quyết định thành lập phường, thị trấn trên cơ sở từ xã, Ủy ban nhân dân phường, thị trấn lập tờ trình báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chuyển các thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

Chương III
HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 9. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; bàn và quyết định trực tiếp việc thực hiện các công việc tự quản không trái với quy định của pháp luật trong việc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hiện đại, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, xoá đói, giảm nghèo; thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; những công việc do cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai đối với thôn, tổ dân phố; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu "Thôn văn hoá", "Tổ dân phố văn hoá"; phòng chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

2. Thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tích cực tham gia cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" và các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

3. Thực hiện sự lãnh đạo của chi bộ thôn, tổ dân phố, Đảng ủy cấp xã hay chi bộ sinh hoạt ghép (nơi chưa có chi bộ thôn, chi bộ tổ dân phố), củng cố và

duy trì hoạt động có hiệu quả của các tổ chức tự quản khác của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

5. Các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều này được thực hiện thông qua hội nghị của thôn, tổ dân phố.

Điều 10. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 2 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

2. Việc tổ chức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chương IV
TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 11. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

1. Đủ 21 tuổi trở lên; có sức khỏe để đảm nhận được nhiệm vụ; nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; được nhân dân tín nhiệm.

2. Có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

3. Có trình độ văn hoá tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; có năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc của cấp trên giao.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

a) Bảo đảm các hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Quy chế này.

b) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố;

c) Triển khai thực hiện những nội dung do cộng đồng dân cư của thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp; tổ chức nhân dân trong thôn, tổ dân phố thực hiện Nghị quyết của chi bộ Đảng và các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và những nhiệm vụ do cấp trên giao.

d) Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn, tổ dân phố không trái với quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố, tổ chức nhân dân tham gia thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", phong trào "Dân vận khéo" và các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

e) Tổ chức vận động nhân dân giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, tổ dân phố, không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố.

f) Tập hợp, phản ánh, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố; lập biên bản về những vấn đề đã được nhân dân của thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp, bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản (nếu có) của thôn, tổ dân phố như: Tổ dân vận, Tổ hòa giải, Tổ quần chúng bảo vệ an ninh và trật tự, Tổ bảo vệ sản xuất, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác theo quy định của pháp luật.

h) Hàng tháng phải báo cáo kết quả công tác với Ủy ban nhân dân cấp xã; sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo công tác trước hội nghị thôn, tổ dân phố.

2. Quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Được Ủy ban nhân dân cấp xã mời dự họp các nội dung liên quan;

b) Ký hợp đồng về dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng do thôn, tổ dân phố đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua, theo quy định của pháp luật.

c) Phân công nhiệm vụ và quy định quyền hạn giải quyết công việc của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

d) Thực hiện một số nhiệm vụ do cấp trên giao và các nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

3. Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện một số nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; thay thế khi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vắng mặt hoặc được ủy quyền.

Điều 13. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thuộc chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, được hưởng mức phụ cấp hàng tháng; mức phụ cấp do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cho thôi đảm nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

Điều 14. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Đề cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và giới thiệu Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố:

a) Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giới thiệu Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố giúp việc (sau khi có sự thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố).

2. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện như đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

Điều 15. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Phó trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi. Trường hợp thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn mới, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

2. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Quy chế

1. Sở Nội vụ

a) Thẩm định về việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; chia tách, sáp nhập thôn, tổ dân phố hiện có để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

c) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

d) Định kỳ tháng 12 hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố theo đúng trình tự quy định;

b) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy chế này trên địa bàn; định kỳ tháng 11 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và việc thực hiện Quy chế này về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này trên địa bàn phụ trách;

b) Chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời;

c) Quyết định công nhận kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo quy định;

d) Quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định tại Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành